

Họ, tên thí sinh:

Mã đề thi 319

Số báo danh:

Câu 41. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết trong các hệ thống sông sau đây, hệ thống sông nào có tỉ lệ diện tích lưu vực nhỏ nhất?

- A. Sông Cả. B. Sông Thu Bồn. C. Sông Thái Bình. D. Sông Mã.

Câu 42. Dân số đông đem lại thuận lợi nào sau đây cho nền kinh tế nước ta?

- A. Chất lượng lao động cao. B. Có nhiều việc làm mới.
C. Thu nhập người dân tăng. D. Nguồn lao động dồi dào.

Câu 43. Ngành công nghiệp trọng điểm của nước ta hiện nay **không** phải là

- A. vật liệu xây dựng. B. cơ khí - điện tử.
C. luyện kim màu. D. năng lượng.

Câu 44. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 4 - 5, cho biết tỉnh nào sau đây giáp với cả Lào và Campuchia?

- A. Đắk Lắk. B. Quảng Nam. C. Gia Lai. D. Kon Tum.

Câu 45. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với vùng kinh tế trọng điểm miền Trung?

- A. Chất lượng nguồn lao động cao đứng đầu cả nước.
B. Ở vị trí chuyển tiếp giữa các vùng phía bắc và phía nam.
C. Có thể mạnh tổng hợp tài nguyên biển, khoáng sản, rừng.
D. Là cửa ngõ thông ra biển của Tây Nguyên và Nam Lào.

Câu 46. Mưa lớn, địa hình dốc, lớp phủ thực vật bị mất là nguyên nhân dẫn đến thiên tai nào sau đây?

- A. Hạn hán. B. Lũ quét. C. Bão. D. Động đất.

Câu 47. Hướng chính của các dãy núi ở miền Bắc và Đông Bắc Bắc Bộ là

- A. vòng cung. B. tây bắc - đông nam. C. tây - đông. D. bắc - nam.

Câu 48. Ngành giao thông vận tải nào sau đây có khối lượng luân chuyển hàng hóa lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Đường sắt. B. Hàng không. C. Đường biển. D. Đường bộ.

Câu 49. So với yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn hiện nay, tốc độ chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế của nước ta diễn ra

- A. còn chậm nhưng đáp ứng được. B. khá nhanh nhưng chưa đáp ứng.
C. còn chậm và chưa đáp ứng được. D. khá nhanh và đã đáp ứng được.

Câu 50. Tỉnh nào sau đây ở Bắc Trung Bộ có thế mạnh về quặng sắt để phát triển công nghiệp luyện kim đen?

- A. Quảng Trị. B. Hà Tĩnh. C. Nghệ An. D. Quảng Bình.

Câu 51. Nước ta nằm ở

- A. khu vực chịu ảnh hưởng của gió mùa. B. trung tâm của bán đảo Đông Dương.
C. vùng không có các thiên tai: bão, lũ lụt. D. trong vùng cận nhiệt đới bán cầu Bắc.

Câu 52. Các tỉnh thuộc Tây Bắc của Trung du và miền núi Bắc Bộ là

- A. Sơn La, Lai Châu, Thái Nguyên. B. Điện Biên, Tuyên Quang, Cao Bằng.
C. Lai Châu, Sơn La, Hòa Bình. D. Phú Thọ, Bắc Giang, Quảng Ninh.

Câu 53. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết Nha Trang thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Nam Bộ. B. Tây Nguyên. C. Nam Trung Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 54. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17 và trang 4 - 5, cho biết Khu kinh tế ven biển Vân Phong thuộc tỉnh nào sau đây?

- A. Ninh Thuận. B. Bình Thuận. C. Phú Yên. D. Khánh Hòa.

Câu 55. Đất ở đồng bằng ven biển miền Trung nước ta thường nghèo, nhiều cát là do

- A. phần lớn đồng bằng nằm ở chân núi. B. đồng bằng nhỏ, hẹp ngang, bị chia cắt.
C. mưa nhiều, xói mòn, rửa trôi mạnh. D. nguồn gốc hình thành chủ yếu từ biển.

Câu 56. Phát biểu nào sau đây **không** đúng với đặc điểm chủ yếu của nguồn lao động nước ta?

- A. Có kinh nghiệm sản xuất nông nghiệp.
B. Chất lượng ngày càng được nâng lên.
C. Tính kỉ luật của người lao động rất cao.
D. Lực lượng lao động trình độ cao còn ít.

Câu 57. Khu vực đồi núi của nước ta **không** phải là nơi có

- A. hạn hán, ngập lụt thường xuyên. B. nhiều hẻm vực, lắm sông suối.
C. địa hình dốc, bị chia cắt mạnh. D. xói mòn và trượt lở đất nhiều.

Câu 58. Cho bảng số liệu:

LƯỢNG MƯA TRUNG BÌNH THÁNG CỦA HUẾ VÀ TP. HỒ CHÍ MINH

(Đơn vị: mm)

Tháng	I	II	III	IV	V	VI	VII	VIII	IX	X	XI	XII
Huế	161,3	62,6	47,1	51,6	82,1	116,7	95,3	104,0	473,4	795,6	580,6	297,4
TP. Hồ Chí Minh	13,8	4,1	10,5	50,4	218,4	311,7	293,7	269,8	327,1	266,7	116,5	48,3

(Nguồn: Sách giáo khoa Địa lí 12 Nâng cao, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về chế độ mưa của Huế và TP. Hồ Chí Minh?

- A. Mùa mưa ở Huế từ tháng VIII - I, ở TP. Hồ Chí Minh từ tháng V - XI.
B. Tháng có mưa nhỏ nhất ở Huế là tháng III, ở TP. Hồ Chí Minh tháng II.
C. Lượng mưa của tháng mưa lớn nhất ở Huế gấp hai lần TP. Hồ Chí Minh.
D. Tháng có mưa lớn nhất ở Huế là tháng X, ở TP. Hồ Chí Minh tháng IX.

Câu 59. Điều kiện tự nhiên nào sau đây có ảnh hưởng lớn nhất đến cơ cấu mùa vụ nông nghiệp ở nước ta?

- A. Tài nguyên đất đai đa dạng. B. Khí hậu phân hóa đa dạng.
C. Mạng lưới sông ngòi dày đặc. D. Địa hình chủ yếu là đồi núi.

Câu 60. Tây Nguyên là vùng đứng đầu cả nước về

- A. diện tích cây ăn quả. B. sản lượng cây cao su.
C. trữ năng thủy điện. D. diện tích cây cà phê.

Câu 61. Để phòng chống khô hạn ở nước ta, biện pháp quan trọng nhất là

- A. chuyển đổi cơ cấu mùa vụ. B. thực hiện tốt công tác dự báo.
C. tạo ra các giống cây chịu hạn. D. xây dựng các công trình thủy lợi.

Câu 62. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với cơ cấu công nghiệp theo ngành của nước ta hiện nay?

- A. Tương đối đa dạng. B. Tập trung một số nơi.
C. Có sự chuyển dịch rõ rệt. D. Có các ngành trọng điểm.

Câu 63. Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy thủy điện Tuyên Quang nằm trên sông nào sau đây?

- A. Sông Chu. B. Sông Đà. C. Sông Gâm. D. Sông Cà.

Câu 64. Phát biểu nào sau đây **không** đúng về kinh tế biển của nước ta?

- A. Hầu hết các tỉnh và thành phố ở ven biển đều có cảng.
- B. Khu du lịch Hạ Long - Cát Bà - Đồ Sơn thuộc tỉnh Quảng Ninh.
- C. Việc đánh bắt xa bờ được đẩy mạnh đầu tư phát triển.
- D. Nghề làm muối phát triển mạnh ở Duyên hải Nam Trung Bộ.

Câu 65. Tuy gia tăng tự nhiên dân số giảm, nhưng số dân nước ta vẫn còn tăng nhanh là do nguyên nhân nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số già.
- B. Quy mô dân số lớn.
- C. Tuổi thọ ngày càng cao.
- D. Gia tăng cơ học cao.

Câu 66. Đặc điểm nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất khẩu của nước ta từ sau Đổi mới đến nay?

- A. Kim ngạch xuất khẩu luôn luôn cao hơn nhập khẩu.
- B. Kim ngạch xuất khẩu nhìn chung tăng qua các năm.
- C. Thị trường được mở rộng và đa dạng hóa.
- D. Hoa Kì, Trung Quốc, Nhật Bản là các thị trường lớn.

Câu 67. Nguyên nhân nào sau đây làm cho tháng mưa lớn nhất ở Nam Bộ nước ta đến muộn hơn so với Bắc Bộ?

- A. Dải hội tụ nhiệt đới hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- B. Gió mùa Tây Nam kết thúc hoạt động ở Nam Bộ muộn hơn.
- C. Gió tây nam từ Bắc Ấn Độ Dương đến Nam Bộ sớm hơn.
- D. Vị trí Nam Bộ xa chí tuyến Bắc và gần xích đạo hơn.

Câu 68. Cơ cấu kinh tế theo ngành ở Đồng bằng sông Hồng có sự chuyển dịch theo hướng tích cực, chủ yếu do tác động của

- A. tài nguyên thiên nhiên phong phú.
- B. quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- C. nguồn lao động dồi dào, kỹ thuật cao.
- D. thị trường tiêu thụ ngày càng mở rộng.

Câu 69. Vai trò quan trọng nhất của các lâm trường ở Bắc Trung Bộ là

- A. trồng rừng phòng hộ ven biển.
- B. trồng rừng làm nguyên liệu giấy.
- C. khai thác đi đôi với tu bổ rừng.
- D. chế biến gỗ và lâm sản khác.

Câu 70. Trong quá trình khai thác, vận chuyển và chế biến dầu khí ở nước ta cần đặc biệt chú ý giải quyết vấn đề nào sau đây?

- A. Tác động của thiên tai.
- B. Các sự cố về môi trường.
- C. Liên doanh với nước ngoài.
- D. Thu hồi khí đồng hành.

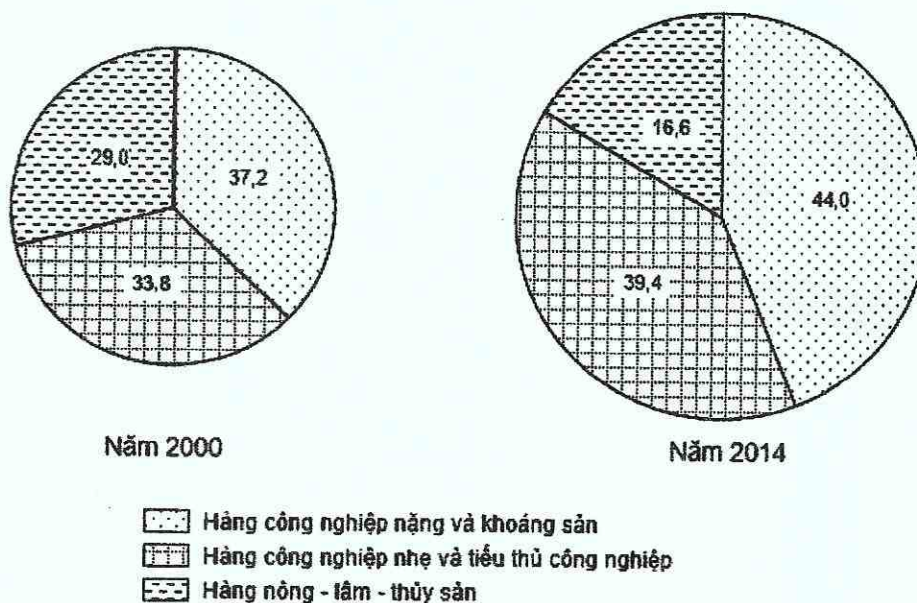
Câu 71. Sự khác nhau về thiên nhiên của sườn Đông Trường Sơn và vùng Tây Nguyên chủ yếu là do tác động của

- A. gió mùa với hướng của dãy núi Trường Sơn.
- B. Tín phong bán cầu Bắc với hướng của dãy Bạch Mã.
- C. Tín phong bán cầu Nam với độ cao của dãy Bạch Mã.
- D. gió mùa với độ cao của dãy núi Trường Sơn.

Câu 72. Việc phát triển các nhà máy điện sử dụng than làm nhiên liệu ở nước ta chủ yếu gây ra vấn đề môi trường nào sau đây?

- A. Ô nhiễm nước mặt.
- B. Ô nhiễm đất đai.
- C. Ô nhiễm nước ngầm.
- D. Ô nhiễm không khí.

Câu 73. Cho biểu đồ sau:



CƠ CẤU GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU THEO NHÓM HÀNG, NĂM 2000 VÀ 2014 (%)
 (Nguồn số liệu theo Sách giáo khoa Địa lí 12, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015
 và Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào biểu đồ, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng về tỉ trọng giá trị xuất khẩu của các nhóm hàng ở nước ta năm 2014 so với năm 2000?

- A. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng, Hàng nông - lâm - thủy sản giảm.
- B. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản tăng, Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
- C. Hàng công nghiệp nặng và khoáng sản giảm, Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.
- D. Hàng nông - lâm - thủy sản giảm, Hàng công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp tăng.

Câu 74. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ SẢN PHẨM CÔNG NGHIỆP CỦA NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014

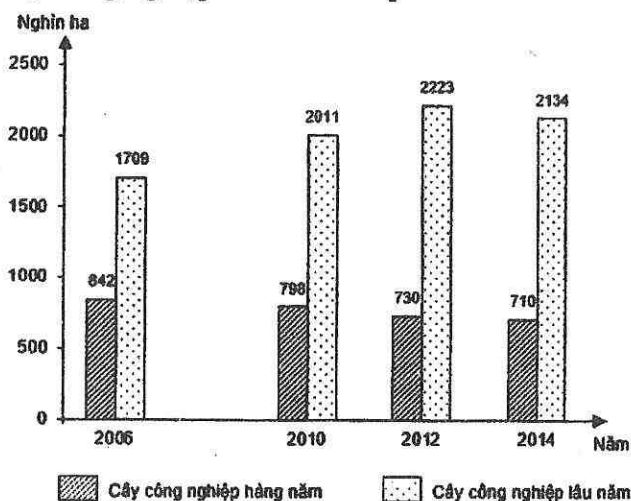
Năm	2010	2012	2013	2014
Than sạch (nghìn tấn)	44 835	42 083	41 064	41 086
Dầu thô (nghìn tấn)	15 014	16 739	16 705	17 392
Điện (triệu kwh)	91 722	115 147	124 454	141 250

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Căn cứ vào bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng về sản lượng của các sản phẩm công nghiệp nước ta, giai đoạn 2010 - 2014?

- A. Dầu thô tăng, điện giảm.
- B. Than sạch, dầu thô và điện đều tăng.
- C. Dầu thô giảm, than sạch tăng.
- D. Điện tăng nhanh hơn dầu thô.

Câu 75. Cho biểu đồ về cây công nghiệp của nước ta qua các năm:



(Nguồn số liệu theo Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Giá trị sản xuất cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
 - B. Cơ cấu giá trị sản xuất cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
 - C. Diện tích cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
 - D. Tốc độ tăng diện tích cây công nghiệp của nước ta qua các năm.
- Câu 76.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng về điều kiện sinh thái nông nghiệp của Tây Nguyên?
- A. Đất nâu đỏ đá vôi màu mỡ.
 - B. Có hai mùa mưa, khô rõ rệt.
 - C. Các cao nguyên badan xếp tầng.
 - D. Thiếu nước trong mùa khô.
- Câu 77.** Khó khăn lớn nhất ảnh hưởng đến sản xuất công nghiệp của Đồng bằng sông Hồng là
- A. có mật độ dân số cao.
 - B. cơ cấu kinh tế chậm chuyển biến.
 - C. cơ sở hạ tầng còn hạn chế.
 - D. thiếu nguyên liệu tại chỗ.
- Câu 78.** Phát biểu nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa chủ yếu của việc phát triển cơ sở hạ tầng giao thông vận tải ở Duyên hải Nam Trung Bộ?
- A. Nâng cao hiệu quả bảo vệ tài nguyên, môi trường.
 - B. Làm thay đổi sự phân công lao động theo lãnh thổ.
 - C. Giúp đẩy mạnh sự giao lưu với các vùng khác.
 - D. Tạo ra những thay đổi trong phân bố dân cư.

Câu 79. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU HÀNG HÓA THEO KHU VỰC KINH TẾ NƯỚC TA, GIAI ĐOẠN 2010 - 2014

(Đơn vị: triệu đô la Mỹ)

Năm	2010	2012	2013	2014
Khu vực kinh tế trong nước	33 084,3	42 277,2	43 882,7	49 037,3
Khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	39 152,4	72 252,0	88 150,2	101 179,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB Thống kê, 2016)

Để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu giá trị xuất khẩu hàng hóa theo khu vực kinh tế nước ta, giai đoạn 2010 - 2014 theo bảng số liệu, biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Cột.
 - B. Tròn.
 - C. Đường.
 - D. Miền.
- Câu 80.** Khó khăn lớn nhất về tự nhiên làm gián đoạn thời gian khai thác thủy sản ở nước ta trong năm là
- A. có nhiều bão và gió mùa Đông Bắc.
 - B. môi trường ven biển bị ô nhiễm.
 - C. nguồn lợi thủy sản bị suy giảm.
 - D. có nhiều đoạn bờ biển bị sạt lở.

HẾT

- Thí sinh được sử dụng Atlas Địa lí Việt Nam do Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam phát hành từ năm 2009 đến nay.

- Cán bộ coi thi không giải thích gì thêm.

